

**DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO VÀ MỨC HỌC PHÍ
NĂM HỌC 2022 – 2023**

STT	Tên ngành tiếng Việt	Tên ngành tiếng Anh	Học phí (VNĐ)	Ký túc xá
CHƯƠNG TRÌNH TIỀN SĨ		POSTGRADUATE PROGRAM		
1	Quản lý giáo dục	Education Management	25.000.000	Miễn
CHƯƠNG TRÌNH THẠC SĨ		GRADUATE PROGRAMS		
1	Giáo dục tiểu học	Primary Education Studies	18.750.000	Miễn
2	Quản lý giáo dục	Education Management	18.750.000	Miễn
3	Ngôn ngữ Việt Nam	Vietnamese Linguistics	18.000.000	Miễn
4	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán	Mathematics Teaching Theory and Methodology	18.750.000	Miễn
5	Hóa lý thuyết và Hóa lí	Theoretical Chemistry and Physical Chemistry	20.250.000	Miễn
6	Lịch sử Việt Nam	Vietnamese History	18.000.000	Miễn
CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC		UNDERGRADUATE PROGRAMS		
1	Ngôn ngữ Anh	English Linguistics	9.790.000	Miễn
2	Ngôn ngữ Trung Quốc	Chinese Linguistics	9.790.000	Miễn
3	Quản lý văn hóa	Culture Management	9.790.000	Miễn
4	Việt Nam học	Vietnamese Studies	9.790.000	Miễn
5	Quản trị kinh doanh	Business Administration	9.790.000	Miễn
6	Tài chính - Ngân hàng	Finance - Banking	9.790.000	Miễn
7	Kế toán	Accounting	9.790.000	Miễn
8	Khoa học Môi trường	Environmental Science	11.660.000	Miễn
9	Khoa học Máy tính	Computer Science	11.660.000	Miễn
10	Nông học	Aquaculture	11.660.000	Miễn
11	Nuôi trồng thủy sản	Agronomy	11.660.000	Miễn
12	Công tác xã hội	Social Work	9.790.000	Miễn
13	Quản lý đất đai	Land Management	11.660.000	Miễn
14	Luật	Law	9.790.000	Miễn
15	Công nghệ sinh học	Biotechnology	11.660.000	Miễn

STT	Tên ngành tiếng Việt	Tên ngành tiếng Anh	Học phí (VND)	Ký túc xá
16	Giáo dục Mầm non	Early Childhood Education	Miễn	Miễn
17	Giáo dục Tiểu học	Primary Education	Miễn	Miễn
18	Giáo dục Chính trị	Political Education	Miễn	Miễn
19	Giáo dục Thể chất	Physical Education	Miễn	Miễn
20	Sư phạm Toán học	Mathematics Teacher Education	Miễn	Miễn
21	Sư phạm Tin học	Information Teacher Education	Miễn	Miễn
22	Sư phạm Vật lý	Physics Teacher Education	Miễn	Miễn
23	Sư phạm Hóa học	Chemistry Teacher Education	Miễn	Miễn
24	Sư phạm Sinh học	Biology Teacher Education	Miễn	Miễn
25	Sư phạm Ngữ văn	Literature Teacher Education	Miễn	Miễn
26	Sư phạm Lịch sử	History Teacher Education	Miễn	Miễn
27	Sư phạm Địa lý	Geography Teacher Education	Miễn	Miễn
28	Sư phạm Âm nhạc	Music Teacher Education	Miễn	Miễn
29	Sư phạm Mỹ thuật	Art Teacher Education	Miễn	Miễn
30	Sư phạm Tiếng Anh	English Teacher Education	Miễn	Miễn
31	Sư phạm Công nghệ	Technology Teacher Education	Miễn	Miễn
32	Sư phạm Khoa học tự nhiên	Natural Sciences Teacher Education	Miễn	Miễn
33	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	History and Geography Teacher Education	Miễn	Miễn

***Ghi chú:**

- Mức học thu học phí sẽ tăng 10% mỗi năm.
- Mức học phí trên không bao gồm tài liệu học tập, sinh hoạt, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm y tế, thị thực nhập cảnh (visa du học sinh).